

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/KDTM-ST

Ngày 26-7-2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -s Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Mạnh Hùng

Bà Nguyễn Thị Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Ngô Kiều Dâng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2019/TLST-KDTM ngày 04 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/QĐST-KDTM ngày 31 tháng 5 năm 2021 và Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 1397/TB-TA ngày 01 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại TNHH MTV DKTC (viết tắt là GP); địa chỉ trụ sở: Tòa nhà CT, số 109 THĐ, phường CN, quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Lê P, chức vụ: Nhân viên xử lý nợ - Phòng kinh doanh, GP chi nhánh Hải Phòng (theo Giấy ủy quyền lại số 23/2019/UQ-GĐ ngày 22/10/2019); có mặt.

- Bị đơn:

+ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1982, ĐKKHKT: Tổ 16, phường NX, quận LC, thành phố Hải Phòng, hiện tạm trú: Số 61 QT, quận HB, thành phố Hải Phòng
- Là đại diện Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn Đ, theo Đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 02A8004801/HKD do Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng cấp đăng ký lần đầu ngày 07/8/2009; có mặt.

+ Bà Nguyễn Hoàng Thu Q, sinh năm 1985; ĐKKHKT: Số 15/51 CH, phường HN, quận LC, thành phố Hải Phòng; hiện cư trú tại nước Đức, nhưng không rõ địa chỉ; vắng mặt.

NỘI D V U ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/8/2018, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV DKTC (viết tắt là GP), trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Ngày 07/8/2013, chi nhánh Ngân hàng TMCP DKTC tại Hải Phòng (nay chuyển đổi thành Ngân hàng Thương mại TNHH MTV DKTC) và ông Nguyễn Văn Đ cùng vợ là bà Nguyễn Hoàng Thu Q có ký Hợp đồng tín dụng (viết tắt là HĐTD) ngắn hạn hạn mức số 0055/2013/HPG/HDHM với nội D: GP cho Bên vay thường xuyên theo mức dư nợ tối đa với số tiền là: 2.800.000.000 đồng, loại tiền vay: Việt Nam đồng, mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh cho hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn Đ (đăng ký hộ kinh doanh cá thể số 02A8004801/HKD do UBND quận HB cấp đăng ký lần đầu ngày 07/8/2009); thời hạn vay: Theo từng khế ước nhận nợ cụ thể và mỗi khế ước nhận nợ không quá 06 tháng, thời hạn duy trì hạn mức cho vay: 12 tháng, từ ngày 07/8/2013 đến ngày 07/8/2014; lãi suất vay: Áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 01 tháng/lần, bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ + Biên độ theo quy định của GP tại thời điểm giải ngân/điều chỉnh, kỳ hạn điều chỉnh lãi suất trên từng khế ước nhận nợ/cách thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ theo chính sách lãi suất của GP tại từng thời kỳ.

Tài sản đảm bảo: Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất tại ô số 14 Lô BT3 Quy hoạch khu biệt thự số 1, phường TC, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số D 405652 vào sổ cấp GCNQSDĐ số 4472/QSDĐ do UBND tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 04/11/2004 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn Đ1. Ngày 01/8/2013 Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh xác nhận thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Đỗ Thị D. Chi tiết việc thế chấp tài sản được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp (viết tắt là HĐTC) số 0051/2013/HPG/HĐTC ngày 07/8/2013 và các phụ lục Hợp đồng bảo đảm có liên quan giữa GP và ông Nguyễn Văn Đ1 cùng vợ là bà Đỗ Thị D.

Thực hiện HĐTD số 0055/2013/HPG/HDHM ngày 07/8/2013, GP đã giải ngân cho bên vay theo:

- Khế ước nhận nợ số 0055/2013/HPG/KU04 ngày 11/02/2014 như sau: Số tiền vay là 1.800.000.000 đồng; thời hạn vay 06 tháng, từ ngày 11/02/2014 đến ngày 11/8/2014; lãi suất vay: Áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 01 tháng/01 lần vào ngày 11 hàng tháng; lãi suất kỳ đầu tiên là 12,8%/năm, lãi suất cho vay các kỳ tiếp

theo được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng trả lãi cuối kỳ + biên độ theo quy định của GP tại thời điểm điều chỉnh. Kỳ hạn điều chỉnh lãi suất trên từng khế ước nhận nợ hoặc cách thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của GP tại từng thời kỳ; mục đích vay: Thanh toán tiền mua sữa bột các loại của Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn Đ; hình thức giải ngân: Chuyển khoản cho ông Phan Văn M, là đại diện Hộ kinh doanh Phan Văn M; trả nợ gốc: Gốc trả linh hoạt trong thời hạn vay; trả nợ lãi: Lãi trả vào ngày 11 hàng tháng theo dư nợ thực tế, ngày trả lãi đầu tiên 11/03/2014; ngày trả nợ gốc cuối cùng: 11/8/2014.

- Khế ước nhận nợ số 0055/2013/HPG/KU05 ngày 13/02/2014 như sau: Số tiền vay là 1.000.000.000 đồng; thời hạn vay 06 tháng, từ ngày 13/02/2014 đến ngày 13/8/2014; lãi suất vay: Áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 01 tháng/01 lần vào ngày 11 hàng tháng; lãi suất kỳ đầu tiên là 12,8%/năm, lãi suất cho vay các kỳ tiếp theo được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng trả lãi cuối kỳ + biên độ theo quy định của GP tại thời điểm điều chỉnh. Kỳ hạn điều chỉnh lãi suất trên từng khế ước nhận nợ hoặc cách thức xác định lãi suất cho vay phải tuân thủ và chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của GP tại từng thời kỳ; mục đích vay: Thanh toán tiền mua sữa bột các loại của Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn Đ; hình thức giải ngân: Chuyển khoản cho ông Nguyễn Tất C, là đại diện Hộ kinh doanh Nguyễn Tất C; trả nợ gốc: Gốc trả linh hoạt trong thời hạn vay; trả nợ lãi: Lãi trả vào ngày 13 hàng tháng theo dư nợ thực tế, ngày trả lãi đầu tiên 13/03/2014; ngày trả nợ gốc cuối cùng: 13/8/2014.

Trong thời gian thực hiện HĐTD và các Khế ước nhận nợ trên, ông Đ và bà Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, ngày 11/8/2014, món vay chuyển nợ quá hạn (nợ nhóm 5). Kể từ khi ông Đ và bà Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ, GP chi nhánh Hải Phòng liên tục gửi công văn đôn đốc nợ, theo biên bản làm việc vào các ngày 15/3/2014, 14/04/2014, 13/5/2014, 13/6/2014, 22/8/2014, 16/10/2014, 25/8/2015, 16/01/2017 nhưng đến nay, ông Đ và bà Q vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết.

Ngày 26/11/2014, ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Đỗ Thị D tự nguyện ký biên bản bàn giao tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất cho GP để GP tự lựa chọn các phương thức bán tài sản để trả nợ cho khoản vay của ông Đ và bà Q như các điều khoản trong HĐTC và HĐTD đã ký nêu trên. Ngày 23/4/2015, GP ký Hợp đồng bán đấu giá tài sản số 37/HĐ-BĐG với Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố Hải Phòng ủy quyền cho Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố Hải Phòng tổ chức bán đấu giá để thu hồi nợ vay là quyền sử dụng 544m² đất ở, ô số 14 Lô BT3 Quy hoạch khu biệt thự số 1, phường Tuần Châu, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh, theo GCNQSDĐ số D 405652 vào sổ cấp GCNQSDĐ số 4472/QSDĐ do UBND tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 04/11/2004 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn Đ1. Ngày 01/8/2013, Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh xác nhận thuộc quyền sử dụng của ông

Nguyễn Văn Đ1 và bà Đỗ Thị D với giá khởi kiểm là 2.992.000.000 đồng. Sau 5 lần đấu giá tài sản được bán thành công ở mức giá 2.268.000.000 đồng, toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mại tài sản sau khi trừ đi các chi phí liên quan theo quy định đã được GP thu nợ theo đúng quy định hiện hành. Tuy nhiên, số tiền từ việc phát mại tài sản chỉ thực hiện được một phần nghĩa vụ trả nợ của ông Đ và bà Q và tiếp tục yêu cầu khách hàng thực hiện nghĩa vụ trả nợ còn lại của mình tại GP theo đúng các cam kết đã ký.

Việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết tại HĐTD của bên vay đã ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của GP. Để bảo đảm thu hồi vốn vay, GP đề nghị Tòa án xem xét, buộc ông Đ và bà Q phải thanh toán số tiền còn nợ cho GP theo HĐTD số 0055/2013/HPG/HDHM ngày 07/8/2013, Khế ước nhận nợ số 0055/2013/HPG/KU04 ngày 11/02/2014 và Khế ước nhận nợ số 0055/2013/HPG/KU05 ngày 13/02/2014, tạm tính đến ngày 26/7/2021 là 2.274.671.581 đồng, trong đó: Nợ gốc là 617.646.000 đồng, nợ lãi trong hạn 28.167.683 đồng, nợ lãi quá hạn 1.594.089.146 đồng, lãi phạt là 34.768.752 đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 27/7/2021 đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ. Trong trường hợp ông Đ và bà Q chưa hoặc không thanh toán được khoản nợ nêu trên, đề nghị Tòa án buộc ông Đ và bà Q phải trả GP toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi phạt đối với khoản nợ của ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Hoàng Thu Q; đại diện Ngân hàng chỉ yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn. Ngoài ra, đối với ý kiến về việc mua bảo hiểm cho tài sản, do tài sản đảm bảo là bất động sản (đất nền phân lô) nên không chịu sự rủi ro do thiên tai cũng như rủi ro khác, vì vậy Ngân hàng không yêu cầu khách hàng mua bảo hiểm cho tài sản.

Theo bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Ngày 07/8/2013, ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Hoàng Thu Q có ký HĐTD vay của GP chi nhánh Hải Phòng số 0055/2013/HPG/HDHM để vay 2.800.000.000 đồng, mục đích vay vốn: Bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất vay: Lãi suất thả nổi, thay 01 tháng/lần. Để đảm bảo khoản vay, vợ chồng ông Đ, bà Q thế chấp tài sản của bên thứ ba là Giá trị quyền sử dụng đất và toàn bộ các tài sản gắn liền với đất tại ô số 14 Lô BT3 quy hoạch khu biệt thự số 1, phường TC, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh đứng tên ông Đ1, bà D. Hết thời hạn hợp đồng do kinh doanh thua lỗ nên vợ chồng ông, bà không có khả năng trả nợ cho GP nên đã đồng ý cho GP bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Ông Đ xác nhận còn nợ GP số tiền tạm tính đến ngày 08/8/2018 là 1.933.706.180 đồng, trong đó: Nợ gốc là 617.646.000 đồng, nợ lãi là 1.316.060.180 đồng. Nay GP khởi kiện yêu cầu tiếp tục phải trả nợ cho GP, ông không đồng ý do:

Khi ký HĐTD, GP đã thẩm định tài sản thế chấp giá trị là 4.896.000.000 đồng. Căn cứ vào giá trị này, GP đã cho vợ chồng ông vay 2.800.000.000 đồng (tương đương 60% giá trị tài sản đảm bảo), nhưng khi GP phát mại tài sản để thu hồi nợ thì giá trị bán đấu giá tài sản thế chấp là 2.268.000.000 đồng. Việc bán đấu giá vẫn không đủ trả nợ GP, còn thiếu 617.646.000 đồng. Theo khoản 9 mục 7, các Điều khoản chung của HĐTD dành cho khách hàng cá nhân đính kèm theo là một bộ phận không thể tách rời HĐTD số 0055/2013/HPG/HDHM ngày 07/8/2013 thể hiện: “Mua bảo hiểm cho tài sản đảm bảo tiền vay trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu của Ngân hàng, chuyển quyền hưởng thụ, hưởng tiền bồi thường bảo hiểm cho Ngân hàng”. Bên GP đã thu khoản tiền bảo hiểm này thông qua khoản lãi hàng tháng ông trả cho GP nên số tiền nợ gốc còn lại do GP phải chịu trách nhiệm thông qua cơ quan bảo hiểm chi trả. Do khoản tiền gốc ông Đ không phải trả nên không phải chịu lãi cho GP.

Về quan hệ hôn nhân và địa chỉ của bà Nguyễn Hoàng Thu Q: Tháng 2/2017, ông Đ và bà Q đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 76/2017/QĐST-HNGĐ ngày 20/3/2017 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Sau khi ly hôn, bà Q đi sang Đ, từ đó đến nay, ông bà không liên lạc với nhau nên không biết địa chỉ cụ thể của bà Q ở Đ và bà Q cũng không cung cấp địa chỉ cho ông. Ông Đ sẽ cố gắng liên lạc với bà Q để thông báo cùng giải quyết vụ việc.

Tại phiên tòa, ông Đ thống nhất với trình bày của GP về việc ký HĐTD và quá trình trả nợ của ông Đ, bà Q. Sau khi phát mại tài sản để thanh toán nợ, số tiền nợ gốc còn lại là 617.646.000 đồng và tiền lãi, ông Đ đồng ý thanh toán cho GP và có trách nhiệm thanh toán phần nghĩa vụ của bà Q cho GP, tuy nhiên do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên ông Đ hiện chưa trả được nợ. Ông Đ không còn yêu cầu Tòa án xem xét việc GP trích tiền lãi để mua bảo hiểm tài sản.

Bị đơn là bà Nguyễn Hoàng Thu Q, theo xác minh tại Phòng Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thể hiện bà Q đã xuất cảnh gần nhất ngày 17/3/2017, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Tòa án đã tiến hành các thủ tục Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật nhưng đến nay bà Q cũng không có ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn về cơ bản đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đây là vụ án có yếu tố nước ngoài bởi theo thông tin xuất nhập cảnh do Cục quản lý XNC - Bộ Công an gửi Tòa án tại Công văn số 4145/Q08-P5 ngày 20/3/2019 thì chị Q xuất cảnh gần nhất ngày 17/3/2017 hiện chưa có thông

tin nhập cảnh trở lại. Hơn nữa theo trình bày của anh Đ ngày 05/7/2019 thì chị Q sau khi ly hôn anh Đ đã sang Đ địa chỉ cụ thể không biết. Căn cứ khoản 3 Điều 474 BLTTDS, Tòa án tiến hành đăng tải thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của VOV5 theo đúng quy định. Ngân hàng đã thực hiện đăng báo theo Thông báo của TAND thành phố Hải Phòng.

Về nội D: GP đã khởi kiện yêu cầu buộc ông Đ, bà Q phải thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 0055 ngày 07/8/2013 tạm tính đến 24/6/2019 là 2.034.453.113 đồng trong đó: Nợ gốc: 617.646.000 đồng; Nợ lãi: 1.416.807.113 đồng và tiền lãi phát sinh từ 25/6/2019 đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

Xét HĐTD số 0055/HPG/HDHM giữa nguyên đơn và bị đơn tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức, chủ thể, nội D không trái quy định pháp luật, đạo Đ xã hội nên là Hợp đồng hợp pháp, do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Tuy nhiên, tại mục I các điều khoản chung của HĐTD các bên có thỏa thuận trái quy định pháp luật, cụ thể là đã thỏa thuận tính lãi phạt chậm trả.

Về số nợ gốc và lãi: Theo HĐTD số 0055/HPG/HDHM và 02 khế ước nhận nợ, ông Đ bà Q vay của GP số tiền 2.800.000 đồng. Ngày 26/11/2014, bên thế chấp tài sản đã chấp nhận bàn giao tài sản thế chấp cho GP để bán đấu giá. Ngày 23/9/2016, Trung tâm dịch vụ đấu giá Hải Phòng đã bán đấu giá tài sản thế chấp với mức giá 2.268.000.000 đồng. Tại biên bản làm việc ngày 16/01/2017, ông Đ và GP đã thống nhất sau khi trừ đi chi phí xử lý nợ 85.646.000 đồng, số tiền bán đấu giá tài sản sau khi trừ đi chi phí phát sinh còn lại 2.182.354.000 đồng đã được trừ vào nợ gốc của ông Đ, bà Q ở GP. Hai bên thống nhất dư nợ tín dụng của ông Đ, bà Q tạm tính đến ngày 31/12/2016 bao gồm cả dư nợ gốc và lãi là 1.759.917.721 đồng, trong đó: Nợ gốc quá hạn: 617.646.000 đồng; Nợ lãi quá hạn là: 1.142.271.721 đồng. Nay ngân hàng yêu cầu: buộc ông Đ, bà Q phải thanh toán số tiền còn nợ theo HĐTD số 0055/HPG/HDHM ngày 07/8/2013 tạm tính đến 15/6/2021 là 2.261.763.379 đồng trong đó: Nợ gốc: 617.646.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 28.167.683 đồng; lãi phạt: 1.615.949.696 và tiền lãi phát sinh 15/6/2021 đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

Xét bảng kê tính lãi do ngân hàng cung cấp thấy ngân hàng đã tính lãi phạt chậm trả theo thỏa thuận tại HĐTD nhưng chưa phù hợp với quy định pháp luật. Do đó: Sau khi đối trừ số tiền bán đấu giá tài sản thế chấp, số nợ gốc còn lại là 617.646.000 đồng. Hai bảng kê tính lãi đối với 2 khế ước (1 tỉ và 1,8 tỉ đồng) thấy GP đã trừ lãi phạt chậm trả tại thời điểm thu lãi tổng số tiền là 760.677 đồng. Số tiền lãi phạt chậm trả lãi nay cần phải được đối trừ vào nợ gốc nên số tiền nợ gốc được chấp nhận là: 617.646.000 đồng - 760.677 đồng = 616.885.323 đồng; Về nợ lãi trong hạn: 28.167.683 đồng phù hợp với bảng tính của GP; Về nợ lãi quá hạn: Bảng kê của GP đã tính lãi chồng lãi (nhập số tiền lãi vào số nợ gốc để tính lãi một lần nữa) nên số tiền lãi đã nhập vào nợ gốc không được chấp nhận là: 34.328.730 đồng. Nên chấp nhận một phần nợ lãi quá hạn là: 1.615.949.901 đồng - 34.328.730 đồng =

1.581.621.171 đồng. Tổng số tiền gốc, lãi trong hạn và quá hạn được chấp nhận là: 616.885.323 đồng + 28.167.683 đồng + 1.581.621.171 đồng = 2.226.674.177 đồng; số tiền không được chấp nhận (lãi phạt chậm trả đã thu và chưa thu) là 35.089.407 đồng. Bị đơn còn phải trả lãi phát sinh tính từ ngày 15/6/2021 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho nguyên đơn.

Đối với ý kiến của bị đơn là ông Đ không đồng ý trả nợ với lý do: Theo khoản 9 mục 7 điều khoản chung của HĐTD thể hiện “mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm tiền vay trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu của ngân hàng, chuyển quyền hưởng thụ, hưởng bồi thường bảo hiểm cho ngân hàng”. Bên GP đã thu khoản bồi thường bảo hiểm này thông qua khoản lãi hàng tháng ông Đ trả nên số tiền nợ gốc còn lại GP phải chịu trách nhiệm thông qua cơ quan bảo hiểm chi trả. Tại bản tự khai, GP trình bày do tài sản thế chấp là đất nền phân lô nên không chịu sự rủi ro do thiên tai cũng như rủi ro khác, do đó GP không yêu cầu khách hàng mua bảo hiểm. Ngoài lời trình bày, bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ về việc GP đã mua bảo hiểm; bảng kê tính nợ gốc và lãi do GP cung cấp cũng không thể hiện việc GP trừ phí bảo hiểm vào một phần lãi đã thu. Nên không có cơ sở chấp nhận quan điểm của bị đơn.

Do ông Đ, bà Q đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 76/2017/QĐST-HNGD ngày 20/3/2017, tại Quyết định số 76 có nội D các bên không thỏa thuận về tài sản và nghĩa vụ trả nợ. Nên cần buộc ông Đ và bà Q phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán khoản nợ cho GP.

Từ các phân tích nêu trên, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc: Ông Đ và bà Q phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán nợ cho GP tạm tính đến ngày 15/6/2021, tổng số tiền 2.226.674.177 đồng, trong đó: Nợ gốc là 616.885.323 đồng, nợ lãi trong hạn là 28.167.683 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.581.621.171 đồng

Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Đ và bà Q phải liên đới chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận; nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp tranh chấp HĐTD, mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh cho hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo Công văn của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh thể hiện bị đơn là bà Nguyễn Hoàng Thu Q đã xuất cảnh gần nhất ngày 17/3/2017, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước nên vụ án thuộc

thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, do các đương sự không cung cấp được địa chỉ cụ thể của bà Nguyễn Hoàng Thu Q hiện cư trú tại Đ và theo đề nghị của nguyên đơn, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã có Quyết định số 06/2020/QĐ-TA ngày 30/9/2020 về việc thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú theo đúng quy định của pháp luật. Nhưng đến nay bà Q không có ý kiến và cũng không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết để tổng đạt văn bản tố tụng cho bà Q theo quy định của pháp luật. Bà Q hiện vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ Điều 227, Điều 228, Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi phạt, tuy nhiên theo phạm vi ủy quyền tại Giấy ủy quyền lại số 23/2019/UQ-GĐ ngày 22/10/2019 thì người được ủy quyền lại không được ủy quyền rút một phần yêu cầu khởi kiện. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tính lãi phạt.

- Về nội D:

[4] Xét về việc ký kết HĐTD số 0055/2013/HPG/HDHM ngày 07/8/2013: GP - chi nhánh Hải Phòng và ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Hoàng Thu Q có ký HĐTD số 0055/2013/HPG/HDHM ngày 07/8/2013; theo nội D Hợp đồng thì GP cho ông Đ, bà Q vay số tiền là 2.800.000.000 đồng, thời hạn vay theo từng Khế ước nhận nợ cụ thể và mỗi Khế ước không quá 06 tháng; mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh cho hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Văn Đ (Đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 02A8004801/HKD do UBND quận Hồng Bàng cấp đăng ký lần đầu ngày 07/8/2009). Xét thấy khi ký kết HĐTD trên các bên tự nguyện, không bị ép buộc, nội D Hợp đồng không trái pháp luật và trái đạo Đ xã hội, nên buộc các bên ký kết hợp đồng phải thực hiện.

[5] Tài sản đảm bảo cho khoản vay theo HĐTD số 0055/2013/HPG/HDHM ngày 07/8/2013 là toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất tại ô số 14 Lô BT3 Quy hoạch khu biệt thự số 1, phường TC, thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh theo GCNQSDĐ số D405652 vào sổ cấp GCNQSDĐ số 4472/QSDĐ do UBND tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 04/11/2004 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn Đ1. Ngày 01/8/2013, Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh xác nhận thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Đỗ Thị D. Chi tiết việc thế chấp tài sản được quy định cụ thể tại HHĐTC số 0051/2013/HPG/HĐTC ngày 07/8/2013 và các phụ lục Hợp đồng bảo đảm có liên quan giữa GP và ông Nguyễn Văn Đ1 cùng vợ là bà Đỗ Thị D.

[6] Quá trình thực hiện Hợp đồng ông Đ, bà Quyền đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên GP đã khởi kiện ra Tòa án là có căn cứ.

[7] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản nợ gốc: GP đã thực hiện HĐTD số 0055/2013/HPG/HDHM ký ngày 07/8/2013 và giải ngân cho ông Đ, bà Q theo các Khế ước nhận nợ số 0055/2013/HPG/KU04 ngày 11/02/2014 (Số tiền vay là 1.800.000.000 đồng; thời hạn vay 06 tháng, từ ngày 11/02/2014 đến ngày 11/8/2014; lãi suất vay: Áp dụng lãi suất thả nổi) và Khế ước nhận nợ số 0055/2013/HPG/KU05 ngày 13/02/2014 (Số tiền vay là 1.000.000.000 đồng; thời hạn vay 06 tháng, từ ngày 13/02/2014 đến ngày 13/8/2014; lãi suất vay: Áp dụng lãi suất thả nổi). Tuy nhiên, ông Đ và bà Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi từ ngày 11/8/2014, món vay chuyển nợ quá hạn (nợ nhóm 5). Kể từ khi ông Đ và bà Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ, GP liên tục gửi công văn đôn đốc nợ theo biên bản làm việc vào các ngày 15/3/2014, 14/04/2014, 13/5/2014, 13/6/2014, 22/8/2014, 16/10/2014, 25/8/2015, 16/01/2017 nhưng đến nay, ông Đ và bà Q vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết. Ngày 26/11/2014, ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Đỗ Thị D tự nguyện ký biên bản bàn giao tài sản đảm bảo theo HĐTC nêu trên cho GP để GP tự lựa chọn các phương thức bán tài sản để trả nợ cho khoản vay của ông Đ và bà Q như các điều khoản trong HĐTC và HĐTD đã ký nêu trên. Việc bán đấu giá tài sản thế chấp của GP đã được thực hiện theo quy định của pháp luật và tài sản đảm bảo được bán với giá 2.268.000.000 đồng, toàn bộ số tiền thu được từ việc phát mại tài sản sau khi trừ đi các chi phí liên quan theo quy định đã được GP thu nợ theo đúng quy định hiện hành vào ngày 29/9/2016. Số tiền từ việc phát mại tài sản chỉ thực hiện được một phần nghĩa vụ trả nợ của ông Đ và bà Quyền. Tại các Biên bản làm việc giữa ông Đ và GP, ông Đ đều thừa nhận số nợ gốc còn lại sau khi phát mại tài sản là 617.646.000 đồng.

[8] Tuy nhiên, theo bảng kê tính lãi đối với 02 Khế ước nhận nợ, GP đã tính lãi phạt trên lãi là không đúng quy định tại khoản 4 Điều 13, Điều 34 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và khoản 1 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; HĐTD và các Khế ước nhận nợ được ký trước thời điểm 01/01/2017 nên chỉ được tính lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả mà không được tính lãi trên số tiền lãi chậm trả. Do đó, không chấp nhận yêu cầu tính lãi phạt của GP.

[9] Theo số liệu tính trên các Bảng kê tính lãi thì từ thời điểm GP đến ngày 29/9/2016 (thời điểm đối trừ số tiền bán đấu giá tài sản thế chấp), ông Đ, bà Q đã trả một phần tiền lãi phạt chậm trả, số tiền là 760.154 đồng (trong đó, lãi phạt trên lãi đối với Khế ước số 04 là 486.459 đồng; lãi phạt trên lãi đối với Khế ước số 05 là 273.695 đồng). Số tiền lãi phạt chậm trả lãi GP tính không đúng nên cần phải

được đối trừ vào nợ gốc. Vì vậy số tiền nợ gốc được chấp nhận là: 617.646.000 đồng - 760.154 đồng = 616.885.846 đồng.

[10] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản nợ lãi trong hạn và quá hạn: Đối với khoản tiền lãi theo nội D HĐTD và các khế ước nhận nợ thì ông Đ, bà Q phải trả lãi cho GP vào ngày 11 và 13 hàng tháng và trả nợ gốc cuối cùng vào ngày 11/8/2014 và 13/8/2014 (đối với từng khế ước nhận nợ), lãi suất theo biểu lãi suất của GP từng thời kỳ. Trong quá trình thực hiện HĐTD ông Đ và bà Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên đã phát sinh lãi trong hạn, lãi quá hạn là có căn cứ. Về số tiền nợ lãi trong hạn và quá hạn GP đã tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/7/2021: Số tiền nợ lãi trong hạn là 28.167.683 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn trên nợ gốc là 1.594.089.146 đồng như bảng kê của GP là có căn cứ và được chấp nhận. Đối với số tiền lãi phạt trên lãi là 34.768.751 đồng mà GP đã tính chưa phù hợp với quy định nên không có căn cứ để chấp nhận.

[11] Theo phân tích trên, tổng số tiền gốc và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn mà ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Hoàng Thu Q phải trả cho GP tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 26/7/2021 là: 616.885.846 + 28.167.683 + 1.594.089.146 = 2.239.142.675 đồng; số tiền GP khởi kiện không được chấp nhận là 2.274.671.581 - 2.239.142.675 = 35.528.906 đồng.

[12] Theo trình bày của ông Đ trong quá trình giải quyết vụ án, do GP đã thu khoản tiền bảo hiểm qua tiền lãi ông Đ trả GP để mua bảo hiểm cho tài sản nên số tiền gốc còn lại do GP chịu trách nhiệm thông qua cơ quan bảo hiểm chi trả. Xét thấy, tại khoản 9 Mục VII của HĐTD và các điều khoản chung của HĐTD về quyền và nghĩa vụ của Bên vay có quy định: “Mua bảo hiểm cho tài sản đảm bảo tiền vay trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu của Ngân hàng, chuyển quyền thụ hưởng tiền bồi thường bảo hiểm cho Ngân hàng”. Tuy nhiên, việc mua bảo hiểm là theo yêu cầu của GP trong trường hợp cần thiết nhưng GP không yêu cầu ông Đ mua bảo hiểm trong trường hợp này do tài sản đảm bảo là bất động sản không chịu rủi ro do thiên tai hay các rủi ro khác. Mặt khác, ông Đ không cung cấp được Hợp đồng bảo hiểm đã ký kết; việc giá trị tài sản khi phát mại thấp hơn giá trị tài sản khi định giá do biến động giá của thị trường không phải trường hợp để được bồi thường bảo hiểm theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ông Đ cũng không còn yêu cầu Tòa án xem xét việc GP trích tiền lãi để mua bảo hiểm tài sản; Hội đồng xét xử thấy ông Đ không yêu cầu Tòa án xem xét việc GP trích tiền lãi để mua bảo hiểm tài sản cũng là phù hợp.

[13] Về xác định nghĩa vụ trả nợ của ông Đ và bà Q: Ngày 12/12/2012, ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Hoàng Thu Q đăng ký kết hôn. Ngày 07/8/2013, GP - Chi nhánh Hải Phòng và ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Hoàng Thu Q có ký HĐTD số 0055/2013/HPG/HDHM. Do đó, số tiền được giải ngân theo HĐTD trên mà vợ chồng ông Đ, bà Q được nhận trong thời kỳ hôn nhân được xác định là tài sản chung của vợ chồng theo Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình 2000, Điều 219 Bộ luật Dân sự 2005 và cả 02 vợ chồng đều có trách nhiệm đối với nghĩa vụ trả nợ

trong thời kỳ hôn nhân. Ngày 20/3/2017, ông Đ và bà Q ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 76/2017/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, theo Quyết định ly hôn các bên đã tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Tại phiên tòa, ông Đ được đề nghị trả nợ thay bà Q nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đ cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết chia khoản nợ chung khi ly hôn, bà Q cũng không có ý kiến về đề nghị của ông Đ; do đó, xác định ông Đ, bà Q vẫn phải có trách nhiệm liên đới đối với khoản nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Vì vậy, ông Đ, bà Q phải liên đới trả cho GP tổng số nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 26/7/2021 là 2.239.142.675 đồng (trong đó: nợ gốc là 616.885.846 đồng, nợ lãi trong hạn 28.167.683 đồng, nợ lãi quá hạn 1.594.089.146 đồng) và kể từ ngày 27/7/2021, ông Đ và bà Q còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong HĐTD và các Khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc là có căn cứ và được chấp nhận một phần.

[14] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Hoàng Thu Q phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu của GPBank được chấp nhận, cụ thể: 72.000.000 đồng + $(2.239.142.675 \text{ đồng} - 2.000.000.000 \text{ đồng}) \times 0,1\% = 76.782.854 \text{ đồng}$. Ngân hàng GP phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 3.000.000 đồng, nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[15] Về quyền kháng cáo của các đương sự: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 3 Điều 38, Điều 74, khoản 1 Điều 147, Điều 154, Điều 227, Điều 228, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 219, Điều 280, khoản 1 Điều 281, 290, 471, 474, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000;

Căn cứ Điều 90, Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV DKTC, cụ thể:

1. Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Hoàng Thu Q phải liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại TNHH MTV DKTC tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 26/7/2021 là 2.239.142.675 (*Hai tỷ, hai trăm ba mươi chín triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn, sáu trăm bảy mươi lăm*) đồng, trong đó (nợ gốc là 616.885.846 đồng, nợ lãi trong hạn 28.167.683 đồng, nợ lãi quá hạn 1.594.089.146 đồng).

Kể từ ngày 27/7/2021, ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Hoàng Thu Q tiếp tục liên đới chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0055/2013/HPG/HDHM ký ngày 07/8/2013 và các Khế ước nhận nợ được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại TNHH MTV DKTC và ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Hoàng Thu Q. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV DKTC về việc buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Hoàng Thu Q phải trả 35.528.906 đồng tiền lãi phạt trên lãi chậm trả.

3. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Hoàng Thu Q phải liên đới nộp 76.782.854 (*Bảy mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn, tám trăm năm mươi tư*) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ngân hàng Thương mại TNHH MTV DKTC phải nộp 3.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 35.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008077 ngày 15/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên DKTC được trả lại số tiền 32.000.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Ngân hàng Thương mại TNHH MTV DKTC và ông Nguyễn Văn Đ có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Hoàng Thu Q vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Hà